

Bản án số: 20/2023/HNGĐ - PT

Ngày: 8 - 10 - 2023

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn; Bà Hoàng Thị Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Anh – Thư ký TAND tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Thê – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2023/TLPT-TC ngày 08 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2023/HNGĐ-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị nguyên đơn kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2640/2023/QĐ-PT ngày 01/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Xuân P, sinh năm 1960

Địa chỉ cư trú: Tổ b, Tổ dân phố n, phường Đ, TP.Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1974

Địa chỉ cư trú: Tổ b, Tổ dân phố n, phường Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Phan Xuân P trình bày:

- Về quan hệ tình cảm: Ông và bà Trần Thị Thu H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 20/6/2002 tại UBND xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm cho đến khoảng từ năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn và kéo dài cho đến hiện nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, xử sự với nhau thiếu tế nhị, giữa vợ chồng không nhường nhịn nhau lời ăn tiếng nói dẫn đến cãi vã, căng thẳng với nhau. Mâu

thuần được gia đình, xã hội hòa giải nhưng không thành nên ông P có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Phan Thị Mỹ Uyên, sinh ngày 26/02/2003 và Phan Thị Ánh D, sinh ngày 11/5/2015. Cháu Phan Thị Mỹ U đã trưởng thành. Sau khi ly hôn ông có nguyện vọng nuôi con Phan Thị Ánh D, không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản chung, các khoản nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân và con chung nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn. Ông P ly hôn bà nhất trí. Bà xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại đơn trình bày ngày 19/02/2023, con chung của ông P, bà H là cháu Phan Thị Ánh Dương có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà H có yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, cụ thể:

+ Tài sản chung: Một ngôi nhà một tầng gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 108, tờ bản đồ 17, địa chỉ tổ dân phố 7, phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, trị giá khoảng 500 triệu đồng.

+ Nợ chung: Nợ vay xây nhà tại ngân hàng NN&PTNT Việt Nam Chi nhánh Lý Thái Tổ Quảng Bình dư nợ hiện tại khoảng 40.000.000 đồng; Nợ vay cho con gái Phan Thị Mỹ Uyên học Đại học (vay Ngân hàng chính sách Quảng Bình) 40.000.000 đồng; Nợ vay cá nhân để trang trải sinh hoạt trong gia đình 80.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông P chỉ thừa nhận khoản nợ chung tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh Lý Thái Tổ là do vợ chồng vay để xây nhà. Hiện tại dư nợ còn khoảng 40.000.000 đồng, ông đồng ý chia đôi khoản nợ này. Ông P không chấp nhận các khoản vay cá nhân vì ông không biết bà H vay lúc nào, vay nhằm mục đích gì; không chấp nhận khoản vay tại Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Bình cho con gái Phan Thị Mỹ Uyên học vì cho rằng hàng tháng ông vẫn chu cấp tiền học cho con đều đặn.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà H rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ cá nhân 80.000.000 đồng và khoản vay sinh viên 40.000.000 đồng tại Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Bình. Hiện tại bà H đã thanh toán xong toàn bộ khoản vay của vợ chồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Lý Thái Tổ Quảng Bình với số tiền đã thanh toán là 40.000.000 đồng. Ông P và bà H thỏa thuận ông P sẽ có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền 20.000.000 đồng mà bà đã trả thay cho ông tại Ngân hàng.

Cả ông P và bà H đều có nguyện vọng nhận tài sản nhà và đất để tạo lập nơi ở sau khi ly hôn và bù chênh lệch tài sản cho người còn lại.

Tại Bản án số 12/2023/HNGĐ-ST ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân thành phố Đồng Hới đã quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 165, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015; Điều 213 Bộ luật dân sự; Các Điều: 29, 33, 51, 55, 58, 59, 81, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phan Xuân P và bà Trần Thị Thu H.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Ánh D, sinh ngày 11/5/2015 cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông Phan Xuân P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Giao cho bà Trần Thị Thu H được quyền sở hữu, sử dụng nhà và đất tại tổ dân phố 7, phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, có đặc điểm: Nhà 01 tầng xây dựng trên thửa đất số 108, tờ bản đồ 17; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 794065 do UBND thị xã Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 27/10/2003 mang tên ông Phan Xuân P, bà Trần Thị Thu H (kèm theo sơ đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất). Phần tài sản bà H được nhận có giá trị tương đương: 114.453.000 đồng.

Sau khi khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng bà Trần Thị Thu H đã trả nợ thay cho ông Phan Xuân P tại Ngân hàng, buộc bà Trần Thị Thu H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phan Xuân P giá trị chênh lệch tài sản là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng).

Sau khi thanh toán xong nghĩa vụ, bà Trần Thị Thu H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được giao theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 28/4/2023, nguyên đơn ông Phan Xuân P có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm như sau:

+ Chia tài sản chung bằng hiện vật hoặc giao nhà đất cho ông P sở hữu, sử dụng, ông bù chênh lệch tài sản 500.000.000 đồng cho bà H.

+ Định giá lại tài sản nhà và đất theo định giá độc lập để đảm bảo quyền lợi cho ông Phan Xuân P.

+ Giảm tiền cấp dưỡng nuôi con chung cháu Phan Thị Ánh Dương xuống còn 1.000.000 đồng.

Ông P làm đơn yêu cầu cấp phúc thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản đang tranh chấp là thửa đất số 108, tờ bản đồ số 17 với diện tích 120m² tại địa chỉ: Cụm 3, TDP 7, phường Đồng Sơn, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình để phân chia tài sản chung một cách phù hợp nhất.

Ngày 22/8/2023 Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ hiện trạng sử dụng đất là tài sản tranh chấp theo yêu cầu của nguyên đơn. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định: Hiện trạng sử dụng đất 108, tờ bản đồ số 17 với diện tích 120m² tại địa chỉ: Cụm 3, TDP 7, phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình có số đo và tứ cạnh: Phía Bắc

(điểm 1-2) giáp đường 15A dài 6m; phía Nam (điểm 3-4) giáp thửa 51 dài 6m; phía Đông giáp thửa 506 dài 13,20m; phía Tây giáp đường bê tông liên thôn dài 15,22m; phía Nam giáp thửa 526 dài 27,64m. Tổng diện tích đang sử dụng là 409,1m² (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Tại biên bản làm việc ngày 22/8/2023 giữa ông Phan Xuân P và bà Trần Thị Thu H tại nhà riêng, có sự chứng kiến của chính quyền địa P phường Đồng Sơn, ông P có ý kiến muốn chia đôi tài sản chung, chia hiện vật, không nhận giá trị chênh lệch như cấp sơ thẩm đã chia. Ông muốn định giá theo giá thị trường và sẽ bồi thường giá trị chênh lệch tài sản cho bà H theo giá của tổ chức thẩm định; Bà H đồng ý với yêu cầu của ông P về chia nhà bằng hiện vật, bà đồng ý với việc định giá mà cấp sơ thẩm đã tuyên và không có ý kiến gì. Nếu ông P cho rằng cấp sơ thẩm định giá thấp thì ông có thể tự mời một tổ chức định giá độc lập để tiến hành định giá lại và bà H sẽ chấp nhận giá mà Tổ chức định giá đó đưa ra.

Ngày 09/9/2023, Tòa án có công văn gửi Công ty Cổ phần định giá và tư vấn đầu tư đề nghị báo giá chi phí định giá tài sản tranh chấp trên. Ngày 18/9/2023, ông Phan Xuân P đã làm việc với Công ty CP định giá và tư vấn đầu tư Đà Nẵng để tiến hành định giá tài sản tranh chấp theo giá thị trường, kết quả định giá theo giá thị trường đối với tài sản tranh chấp là thửa đất số 108, tờ bản đồ số 17, tại địa chỉ Cụm 3, TDP 7, phường Đồng Sơn, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình như sau:

Tổng giá trị bất động sản tài thời điểm tháng 9/2023 là 1.262.748.162 đồng, trong đó:

Giá đất ở tại đô thị 1m² = 8.480.000 đồng, thành tiền: 848.000.000 đồng; đất trồng cây lâu năm 1m² = 4.900.000 đồng, thành tiền 98.000.000 đồng;

Tài sản trên đất:

+ Nhà 01 tầng, có diện tích 101,4m² xây dựng năm 2011, cải tạo lại năm 2018 (có tỉ lệ hao mòn 20%), thành tiền 294.465.600 đồng.

+ Mái che, có diện tích 26,37m², làm năm 2022, hao mòn 5%, thành tiền: 20.742.642 đồng.

+ Trụ công: 0,8 m³, xây năm 2022, hao mòn 5%, thành tiền 1.152.920 đồng.

+ Hàng rào: 5m, xây năm 2022, hao mòn 10%, thành tiền 387.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn rút kháng cáo về phần tài sản, bị đơn rút yêu cầu chia tài sản chung với lý do hiện tại cũng không có tiền để giao cho phía nguyên đơn, hai người sẽ tự giải quyết phần tài sản chung. Nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo giảm mức cấp dưỡng nuôi con, bị đơn đề nghị không chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự

- Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo về hạ mức cấp dưỡng, chấp nhận nội dung rút kháng cáo về phần tài sản, rút yêu cầu phân chia tài sản

chung và hủy một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản và đình chỉ việc giải quyết yêu cầu phân chia tài sản chung của ông P, bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của ông Phan Xuân P về giảm mức cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, Hội đồng xét xử thấy: Theo chi phí thực tế thì mức cấp dưỡng nuôi con chung một tháng 1.000.000 đồng là thấp so với những chi phí trên thực tế. Phía người trực tiếp nuôi con cũng không chấp nhận đề nghị này. Việc Tòa cấp sơ thẩm quyết định mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp. Vì vậy không chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông Phan Xuân P.

[2]. Xét nội dung kháng cáo về tài sản, Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa, bị đơn rút yêu cầu về chia tài sản chung, nguyên đơn rút kháng cáo về chia tài sản chung để hai bên tự giải quyết. Vì vậy, cần hủy bản án sơ thẩm số 12/2023/HNGĐ-ST ngày 27/4/2023 của Tòa án thành phố Đồng Hới về phân chia tài sản và đình chỉ yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của ông Phan Xuân P và bà Trần Thị Thu H..

[3]. Về chi phí thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí thẩm định tại chỗ 4.300.000 đồng. Ông P đã nộp 5.000.000 đồng, trả tại phiên tòa cho ông P 700.000 đồng.

[4]. Về án phí: Ông P không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con vì ông P là người cao tuổi được miễn. Bà Trần Thị Thu H không phải chịu án phí chia tài sản và được trả lại số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001444 ngày 28/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 272, Điều 273, khoản 2 Điều 308, khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Xuân P về giảm mức cấp dưỡng nuôi con:

Về quan hệ con chung: Giao cháu Phan Thị Ánh D cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông Phan Xuân P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

2. Hủy một phần bản án số 12/2023/HNGĐ-ST ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình về phần tài sản và đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của ông Phan Xuân P và bà Trần Thị Thu H.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Phan Văn P tự nguyện chịu 4.300.000 đồng chi phí thẩm định. Ông P đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng. Trả lại phiên tòa cho ông P 700.000 đồng.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con cho ông P vì ông thuộc đối tượng người cao tuổi. Bà Trần Thị Thu H không phải chịu án phí chia tài sản, được trả lại số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001444 ngày 28/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

5. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Từ Thị Hải Dương